TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** TỈNH THANH HOÁ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 97/2018/QĐST - HNGĐ	*Thường Xuân, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1954

Trú tại: Khu 1, thị trấn T.X, huyện T.X, tỉnh Thanh Hóa.

Và bị đơn: Bà Lê Thị Y, sinh năm: 1959

Trú tại: Khu 1, thị trấn T.X, huyện T.X, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213; khoản 4 Điều 147 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật HNGĐ năm 2000; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào các khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về *"mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án*".

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Y

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về hôn nhân:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Lê Thị Y tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung: Nguyễn Thị K, sinh ngày 10/6/1983; Nguyễn Minh G, sinh ngày 24/12/1985; Nguyễn Thị T, sinh ngày: 20/12/1986 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 29/02/1992. Các cháu đã trưởng thành và lao động bình thường, các cháu ở với ai là tùy các cháu quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về tài sản, công nợ*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Lê Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về án phí:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn bà Lê Thị Y tự nguyện thỏa thuận ông T nhận nộp toàn bộ án phí của vụ án là 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số 0003490 ngày 08 tháng 10 năm 2018, trừ đi số tiền 150.000đ*(một trăm năm mươi nghìn đồng)* ông T nhận nộp, ông T còn được nhận lại 150.000đ*(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Các đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- UBND thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Tâm